TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 66DCCO22
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CK33_Công nghệ kim loại (3)		DC3ME22_Kỹ thuật vi điều khiển (3)		DC2OT70_Lý thuyết ô tô (3)		DC3ME29_Nguyên lý động cơ (2)		DC4DT21_Thực tập Điện tử cơ bản (3)		DC4DT22_Thực tập Lắp ráp điện tử (2)		DC1CB35_Tiếng anh (3)		DC2DT51_Điện tử số (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		1,350,000
1	66DCCO21959	ĐỖ QUANG	ANH	19/10/1997	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F	0.0	F				
2	66DCCO22239	TRẦN VĂN	BẮC	04/02/1997	4.0	D	3.8	F	4.0	D	5.6	C	2.4	F	7.4	B	5.4	D+	3.7	F	3	45,000
3	66DCCO22532	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	28/05/1997	8.6	A	9.1	A	8.9	A	8.4	B+	9.3	A	9.4	A	7.5	B	7.0	B		
4	66DCCO22466	ĐÀO ĐĂNG	CHỦ	01/03/1997	7.8	B	2.7	F	3.5	F	5.7	C	1.5	F	6.9	C+	1.2	F	2.1	F	5	75,000
5	66DCCO21514	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	03/11/1997	5.8	C	4.5	D	5.2	D+	7.3	B	2.1	F	7.4	B	4.9	D	2.4	F	2	30,000
6	66DCCO21265	ĐẶNG VĂN	DƯƠNG	29/01/1997	5.0	D+	5.5	C	5.1	D+	7.4	B	8.7	A	8.4	B+	5.6	C	3.7	F	1	15,000
7	66DCCO21843	TRẦN MINH	ĐỨC	17/02/1997	4.4	D	4.0	D	3.5	F	4.0	D	7.1	B	7.4	B	5.4	D+	3.0	F	2	30,000
8	66DCCO22155	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠT	12/11/1997	2.2	F	2.1	F	2.3	F	2.2	F	6.1	C+	7.1	B	1.5	F	1.8	F	6	90,000
9	66DCCO21264	PHAN ĐỨC	HIỆP	11/12/1997	5.1	D+	5.7	C	4.8	D	4.0	D	8.4	B+	7.1	B	6.3	C+	4.4	D		
10	66DCCO21589	TRẦN	HIỆP	26/09/1997	3.7	F	4.8	D	3.4	F	3.8	F	6.0	C+	6.8	C+			4.4	D	3	45,000
11	66DCCO22206	NGUYỄN VĂN	HIẾU	17/03/1997	2.9	F	2.5	F	2.2	F	2.9	F	6.6	C+	7.7	B	6.1	C+	3.6	F	5	75,000
12	66DCCO21554	NGUYỄN CÔNG	HẠNH	24/10/1997	2.5	F	4.1	D	2.1	F	4.3	D	7.7	B	7.4	B	5.1	D+	3.8	F	3	45,000
13	66DCCO22134	NGUYỄN THỊ	HOÀ	27/09/1997	6.8	C+	3.3	F	4.0	D	7.5	B	8.7	A	9.3	A	6.3	C+	5.6	C	1	15,000
14	66DCCO21590	ĐÀO MINH	HÙNG	03/10/1997	7.9	B	4.3	D	4.4	D	7.1	B	1.8	F	7.4	B	5.1	D+	4.5	D	1	15,000
15	66DCCO21424	PHẠM QUANG	KHẢI	26/10/1997	5.0	D+	3.6	F	2.0	F	6.4	C+	2.4	F	8.4	B+	5.5	C	4.5	D	3	45,000
16	66DCCO21492	ĐOÀN CÔNG	LONG	15/09/1997																		
17	66DCCO21579	NGUYỄN CÔNG	MINH	09/05/1997																		
18	66DCCO21519	ĐÀO SỸ	MẠNH	19/03/1997	2.1	F	0.0	F	2.2	F	0.6	F	1.8	F	7.4	B	0.0	F	0.0	F	4	60,000
19	66DCCO22081	VŨ BẢO	NGỌC	25/12/1997	5.4	D+	6.4	C+	4.0	D	7.3	B	8.0	B+	7.4	B	6.0	C+	5.8	C		
20	66DCCO21523	NGUYỄN DUY	NGUYÊN	06/03/1997	6.5	C+	2.4	F	4.3	D	4.9	D	8.4	B+	6.7	C+	5.6	C	4.4	D	1	15,000
21	66DCCO22147	NGUYỄN VĂN	NHẬT	28/03/1997	5.2	D+	2.1	F	2.3	F	4.0	D	6.3	C+	6.7	C+	4.7	D	3.8	F	3	45,000
22	66DCCO21580	LÊ VĂN	TAM	15/10/1997	5.2	D+	2.6	F	2.2	F	4.3	D	7.1	B	6.7	C+	5.7	C	3.5	F	3	45,000
23	66DCCO22249	PHẠM VĂN	THẾ	16/10/1997	6.1	C+	4.2	D	4.2	D	6.4	C+	7.0	B	8.0	B+	7.0	B	5.8	C		
24	66DCCO21764	DƯƠNG TIẾN	THÀNH	31/08/1997	3.6	F	1.5	F	3.2	F	2.7	F	7.0	B	6.7	C+	5.3	D+	2.9	F	5	75,000
25	66DCCO21638	NGUYỄN VĂN	THÀNH	25/07/1997	6.1	C+	4.7	D	7.6	B	6.4	C+	6.7	C+	7.0	B	5.7	C	7.0	B		
26	66DCCO21235	NGUYỄN VĂN	THIÊN	02/02/1997	4.0	D	3.8	F	2.2	F	5.0	D+	2.1	F	8.4	B+	1.8	F	3.6	F	5	75,000
27	66DCCO22368	DƯƠNG MINH	THIỀM	21/07/1997	8.2	B+	10	A	8.9	A	8.8	A	10	A	10	A	7.5	B	9.3	A		
28	66DCCO22092	ĐỖ NGUYỄN	THẮNG	01/01/1996	7.1	B	8.4	B+	7.8	B	5.4	D+	6.0	C+	7.0	B	6.4	C+	4.4	D		
29	66DCCO21998	PHẠM VĂN	THẮNG	21/06/1997	6.1	C+	4.9	D	2.5	F	6.6	C+	9.3	A	8.3	B+	6.0	C+	6.6	C+	1	15,000
30	66DCCO22071	PHAN DUY	THƯƠNG	26/03/1997	5.4	D+	3.8	F	5.2	D+	6.4	C+	8.3	B+	7.7	B	6.3	C+	5.2	D+	1	15,000
31	66DCCO21642	NGUYỄN QUANG	TRIỀN	12/10/1997	5.4	D+	6.0	C+	3.3	F	5.4	D+	8.7	A	8.1	B+	4.4	D	2.4	F	2	30,000

STT	SINH VIÊN / HỌC PHẦN				DC2CK33_Công nghệ kim loại (3)		DC3ME22_Kỹ thuật vi điều khiển (3)		DC2OT70_Lý thuyết ô tô (3)		DC3ME29_Nguyên lý động cơ (2)		DC4DT21_Thực tập Điện tử cơ bản (3)		DC4DT22_Thực tập Lắp ráp điện tử (2)		DC1CB35_Tiếng anh (3)		DC2DT51_Điện tử số (3)		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ		1,350,000
32	66DCCO21224	LÊ NGỌC	TRƯỜNG	21/02/1997	5.1	D+	4.2	D	2.0	F	2.9	F	8.3	B+	7.4	B	4.5	D	3.6	F	3	45,000
33	66DCCO22583	LÊ VĂN	TRƯỜNG	21/11/1997	4.7	D	5.0	D+	2.2	F	2.1	F	8.5	A	8.1	B+	1.9	F	2.2	F	4	60,000
34	66DCCO22214	NGUYỄN ĐÌNH	TRƯỜNG	02/09/1997	5.4	D+	6.6	C+	6.1	C+	6.8	C+	8.5	A	9.0	A	6.4	C+	4.5	D		
35	66DCCO21605	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	04/11/1997																		
36	66DCCO21378	DƯƠNG NGÔ	TÚ	28/07/1997	7.5	B	9.1	A	7.1	B	7.5	B	9.3	A	9.4	A	6.5	C+	8.6	A		
37	66DCCO22127	HÀ ANH	TÚ	24/08/1997	7.5	B	6.6	C+	8.9	A	8.9	A	7.8	B	8.4	B+	5.1	D+	4.4	D		
38	66DCCO22635	LÊ DUY	TUẤN	13/04/1996	2.1	F	1.8	F	0.0	F	1.9	F	7.7	B	8.0	B+	1.5	F	2.0	F	5	75,000
39	66DCCO21731	NGÔ MINH	TUẤN	15/11/1997	4.9	D	2.3	F	2.9	F	1.5	F	1.2	F	6.7	C+	0.0	F	2.7	F	5	75,000
40	66DCCO22299	NHỮ VĂN	TUẤN	18/10/1997	7.2	B	3.0	F	3.8	F	5.2	D+	6.6	C+	7.7	B	6.0	C+	5.1	D+	2	30,000
41	66DCCO21970	NGUYỄN KIM	TUYẾN	25/11/1997	5.2	D+	4.5	D	6.4	C+	5.2	D+	8.3	B+	7.4	B	5.9	C	5.6	C		
42	66DCCO22611	LƯƠNG CÔNG	VIỆT	15/09/1997	3.7	F	2.3	F	2.0	F	5.2	D+	6.0	C+	6.5	C+	6.2	C+	5.1	D+	3	45,000
43	66DCCO22259	TRẦN QUỐC	VIỆT	21/09/1997	8.2	B+	8.8	A	8.2	B+	8.4	B+	8.3	B+	9.0	A	8.6	A	6.5	C+		
44	66DCCO22212	NGUYỄN TUẤN	VŨ	09/03/1997	6.6	C+	3.0	F	2.6	F	2.3	F	6.1	C+	6.5	C+	0.0	F	4.4	D	3	45,000
45	66DCCO21787	NGUYỄN PHÚC	VƯỢNG	02/07/1997	7.0	B	3.1	F	5.1	D+	2.8	F	6.1	C+	8.3	B+	4.8	D	4.7	D	2	30,000
46	66DCCO21498	NGUYỄN TRUNG	VƯỢNG	09/03/1997	7.0	B	3.8	F	2.1	F	5.2	D+	7.4	B	7.4	B	4.6	D	3.3	F	3	45,000